

PHỤ LỤC 1: CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

I. MỨC THU HỌC PHÍ, LỆ PHÍ NĂM HỌC 2013-2014

1. Mức thu học phí:

a) Mức thu áp dụng đối với hình thức đào tạo theo học niên chế:

Đơn vị tính: đồng/tháng/SV

Trình độ đào tạo	Chính quy tập trung	Các hệ khác				
		Liên thông chính quy			Vừa học vừa làm	
		Trong giờ (T2-T6)	Ngoài giờ (T7,CN)	Buổi tối	Trong giờ (T2-T6)	Ngoài giờ (T7,CN)
Đại học	480 000	680 000	740 000	800 000	740 000	760 000
Cao đẳng	380 000	460 000	500 000	570 000	500 000	570 000
Trung cấp	330 000	-	-	-	390 000	390 000

b) Mức thu áp dụng đối với hình thức đào tạo theo tín chỉ:

Đơn vị tính: đồng/ tín chỉ

TT	Hệ đào tạo	Chính quy tập trung	Liên thông chính quy		
	Trình độ		Trong giờ (T2-T6)	Ngoài giờ (T7,CN)	Buổi tối
1	Đại học	160 000	190 000	210 000	240 000
2	Cao đẳng	130 000	150 000	160 000	190 000

2. Nguồn thu bổ sung:

- Kinh phí thường xuyên	45.643.143.776 đ
+ Học phí trung cấp:	38.755.143.776 đ
+ Học phí cao đẳng:	3.835.451.000 đ
+ Học phí đại học:	18.295.027.500 đ
- Dịch vụ, Căng tin, nhà xe, ...:	16.312.146.500 đ
	295.445.868 đ

3. Thu nhập bình quân

- Thu nhập bình quân năm 2013: 6.761.353 đ/tháng.
- Ước thu nhập bình quân năm 2014: 7.200.000đ/tháng.

4. Thực hiện chính sách xã hội, học bổng và trợ cấp cho sinh viên năm học 2013-2014.

- Số lượng sinh viên chính quy năm học 2013-2014: **2.806 sinh viên.**
- Cấp học bổng khuyến khích học tập cho 189 sinh viên; 405.650.000 đ
 - + Học kỳ 1: 91 sinh viên; 197.400.000 đồng
 - + Học kỳ 2: 98 sinh viên; 208.250.000 đồng
- Miễn giảm học phí cho 499 sinh viên; 863.490.000 đồng
 - + Học kỳ 1: 288 sinh viên; 428.580.000 đồng
 - + Học kỳ 2: 211 sinh viên; 434.910.000 đồng
- Trợ cấp xã hội cho 570 sinh viên; 476.880.000 đồng
 - + Học kỳ 1: 288 sinh viên; 240.960.000 đồng
 - + Học kỳ 2: 282 sinh viên; 235.920.000 đồng

Các chế độ khác, Nhà trường thực hiện theo đúng quy định hiện hành